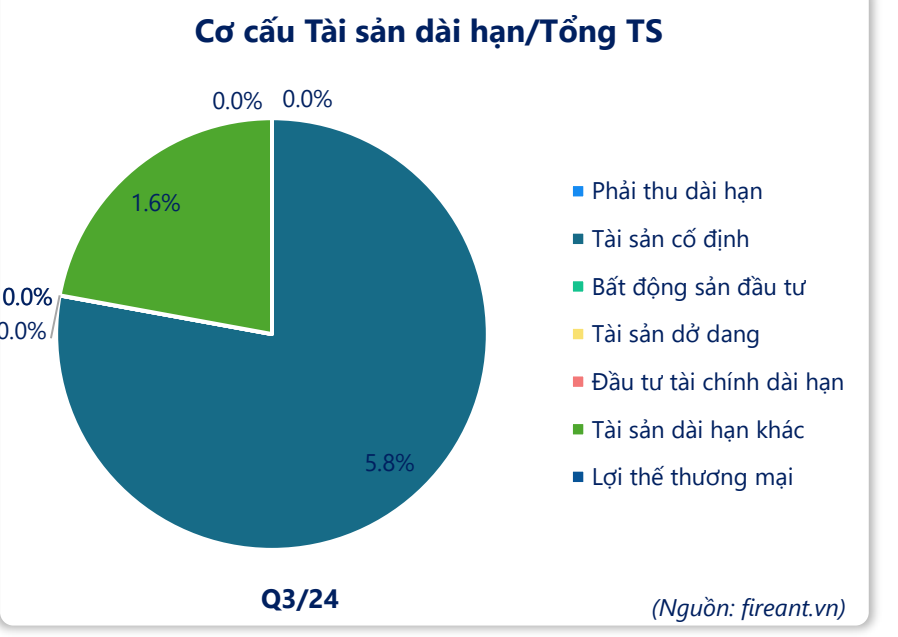
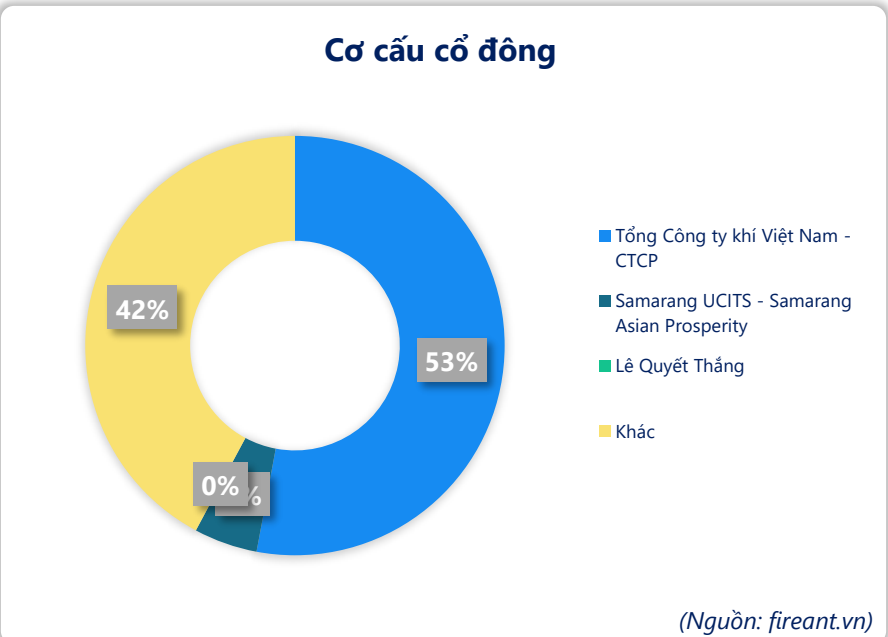
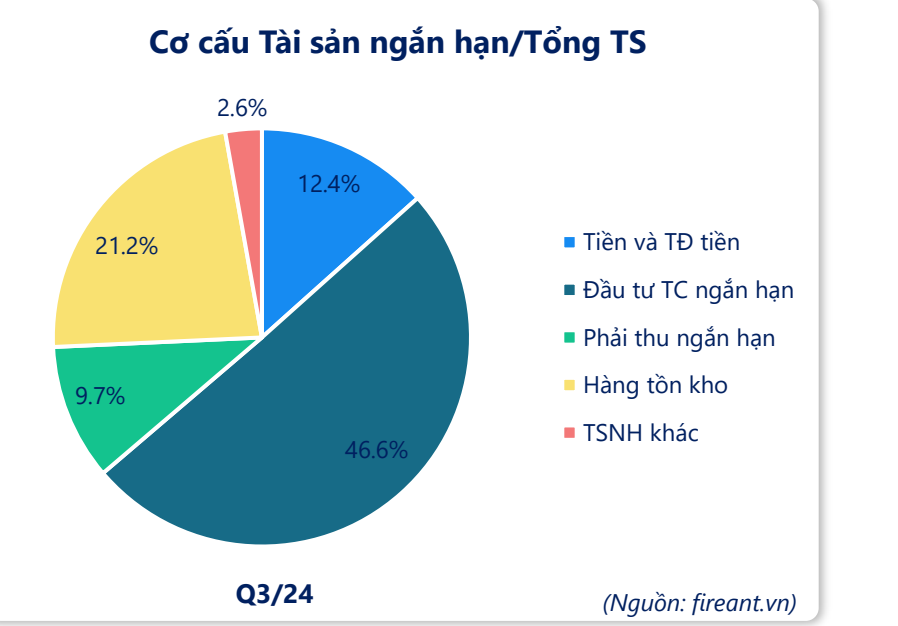
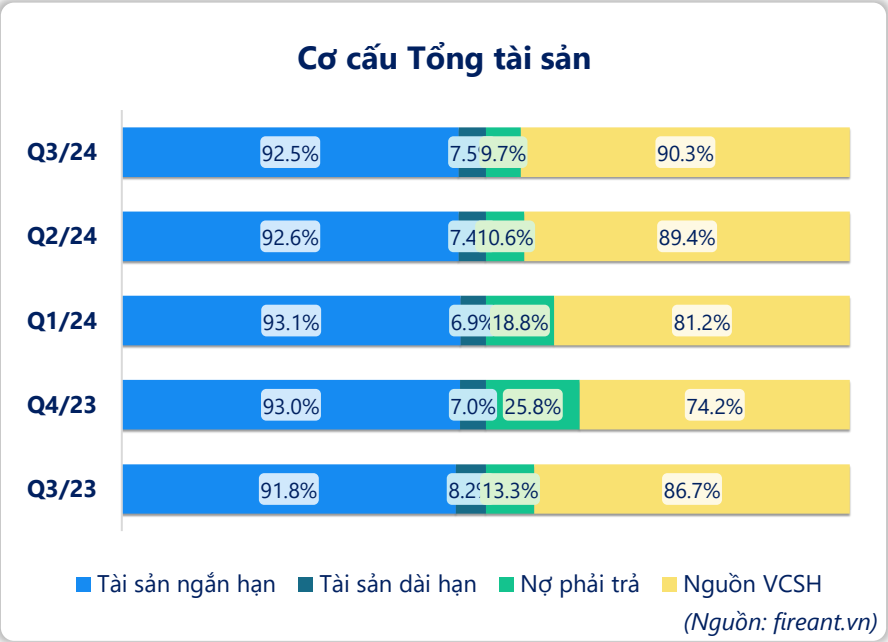
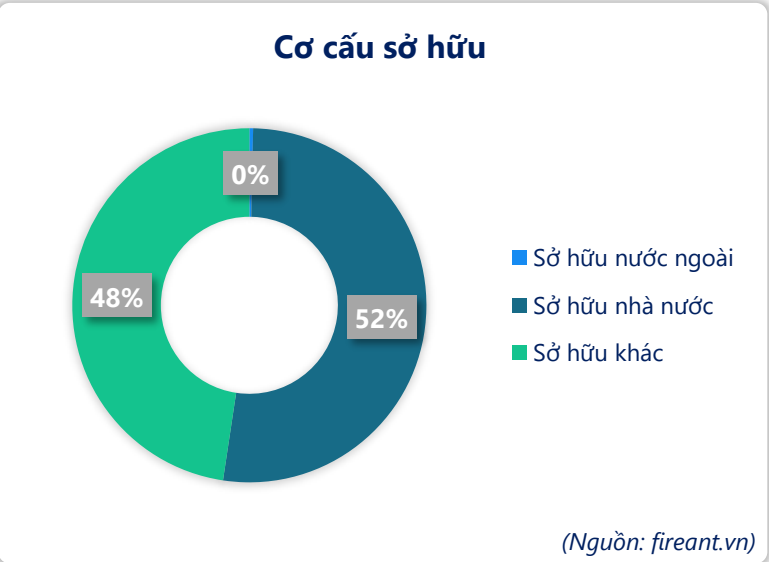
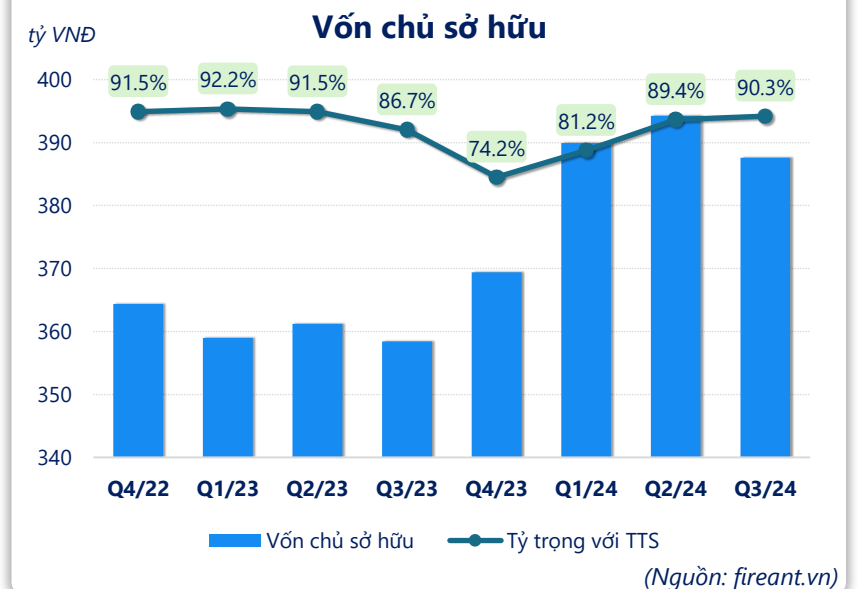
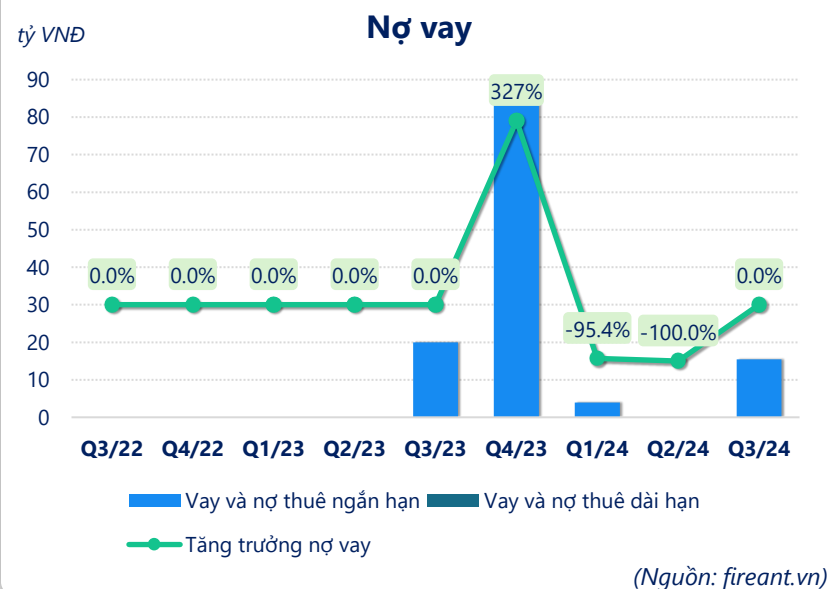
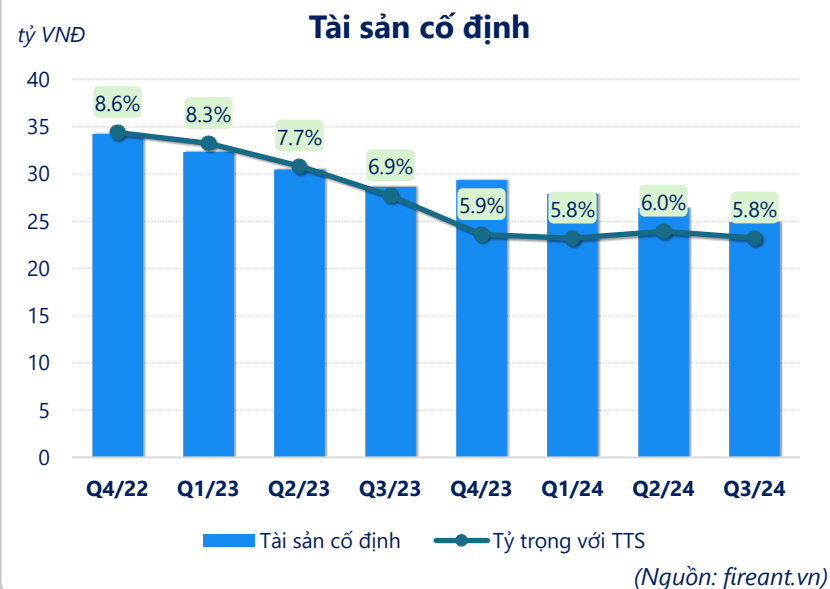
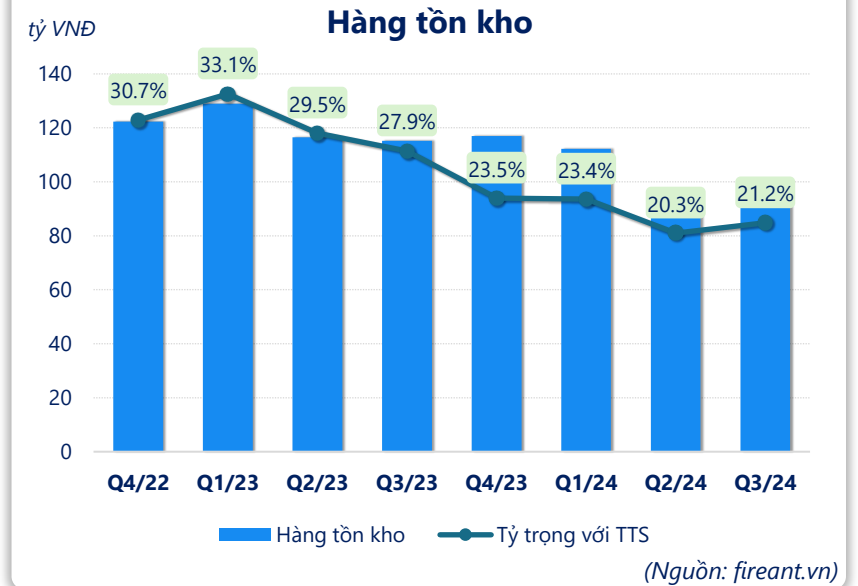
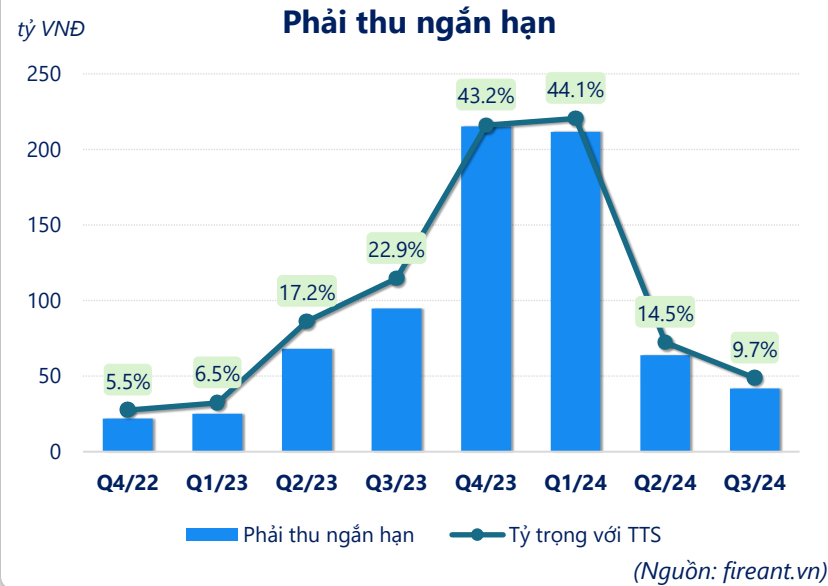
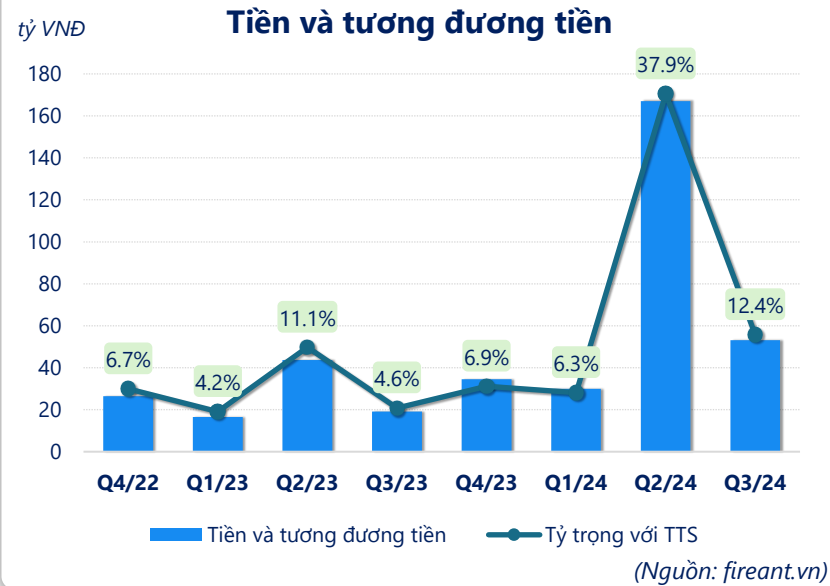
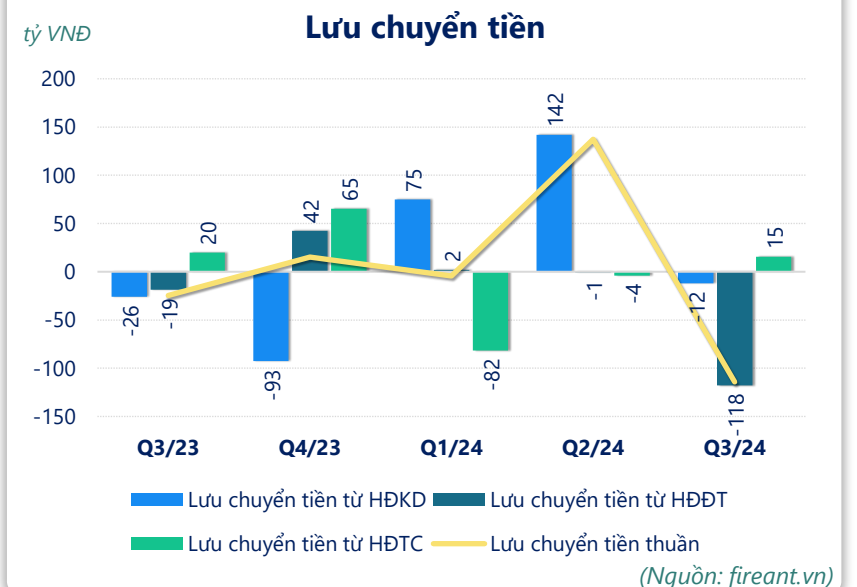
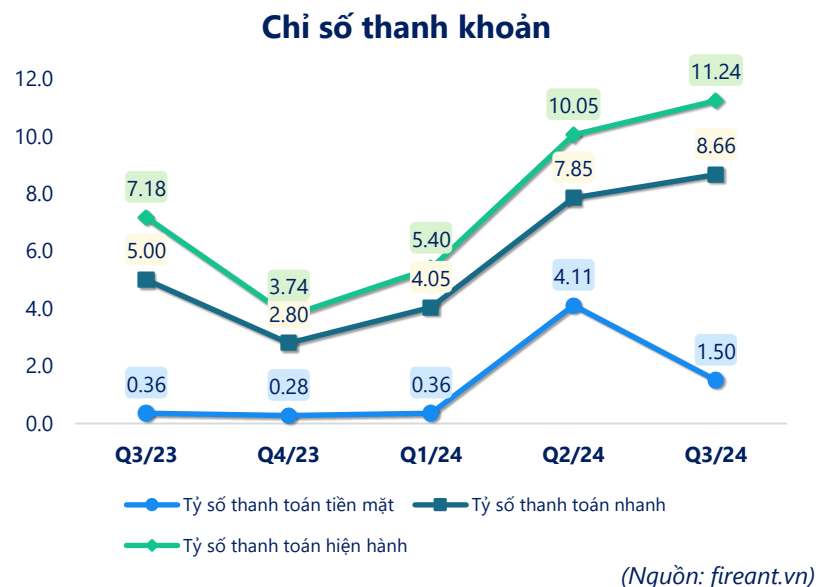
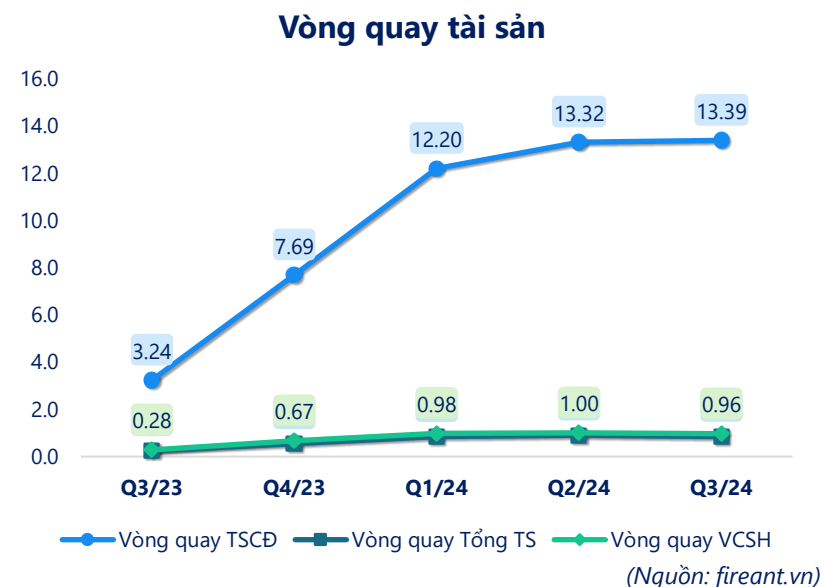
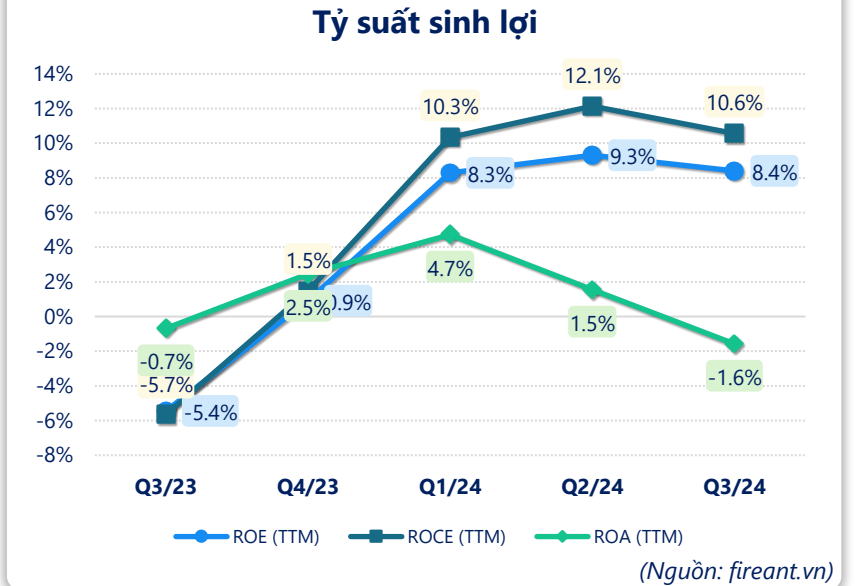
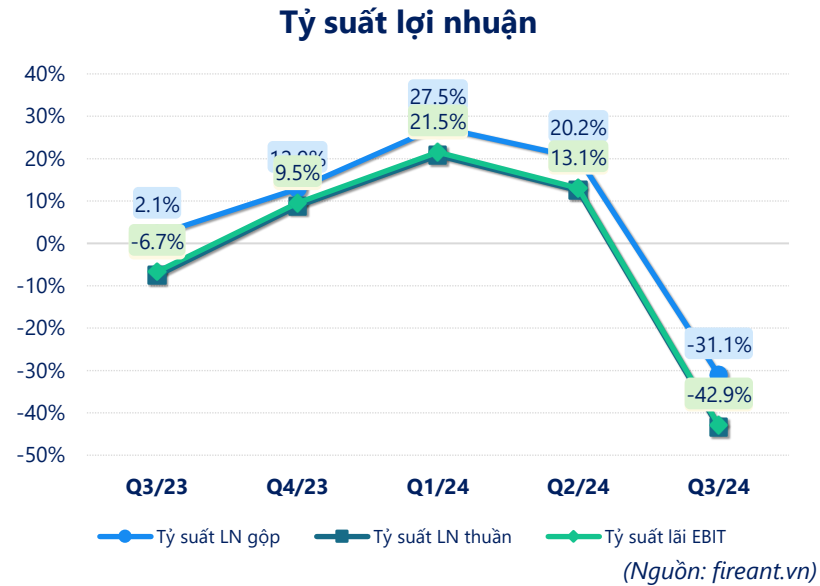
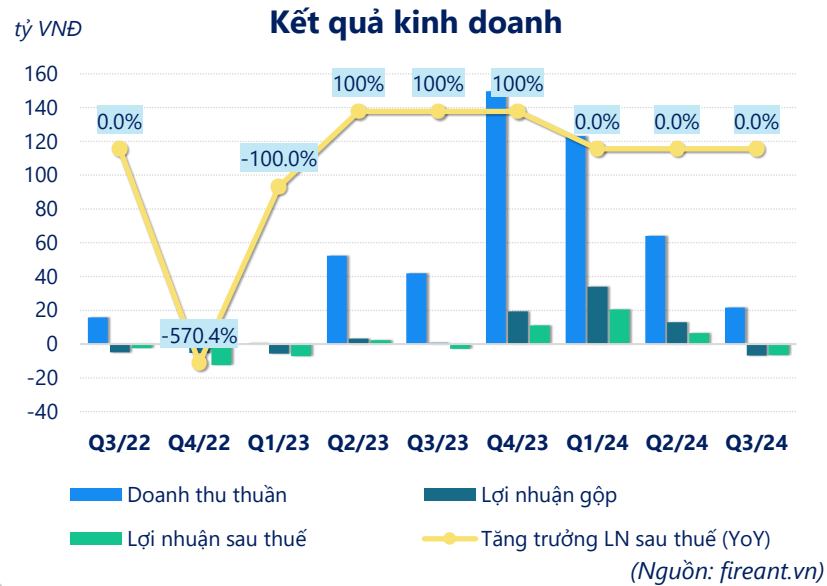


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		29,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		32,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,900
SL cổ phiếu LH		21,599,998
KLGD BQ 20 phiên (CP)		159,985
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		637
P/E		20.3
EPS		1,451

	YTD	1T	3T	6T
PVB	41.1%	1.0%	5.0%	12.2%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	429	498	-13.8%
Tài sản ngắn hạn	397	463	-14.2%
Tiền và tương đương tiền	53.1	34.5	53.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	200	80.0	150%
Phải thu ngắn hạn	41.8	215	-80.6%
Hàng tồn kho	91.0	117	-22.2%
Tài sản ngắn hạn khác	11.2	16.2	-30.7%
Tài sản dài hạn	32.0	35.1	-8.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	24.9	29.4	-15.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	7.08	5.70	24.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	41.5	129	-67.7%
Nợ ngắn hạn	35.3	124	-71.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.5	85.4	-81.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.99	24.2	-83.5%
Nợ dài hạn	6.14	4.97	23.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	388	369	4.9%
Vốn chủ sở hữu	388	369	4.9%
Vốn điều lệ	216	216	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	41.8	150	123	64.0	21.6
Giá vốn hàng bán	40.9	130	89.4	51.1	28.3
Lợi nhuận gộp	0.86	19.3	33.8	12.9	-6.72
Doanh thu HĐTC	2.84	2.00	1.00	0.93	2.18
Chi phí TC	0.17	1.43	0.85	0.28	0.10
Chi phí lãi vay	0.02	1.31	0.85	0.28	0.10
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	6.71	6.72	8.44	5.60	4.75
LN thuần từ HĐKD	-3.17	13.2	25.6	7.97	-9.39
Lợi nhuận khác	0.35	-0.19	0.09	0.10	0.01
LN trước thuế	-2.82	13.0	25.6	8.07	-9.38
Lợi nhuận sau thuế	-2.82	11.0	20.5	6.46	-6.63
LNST của CĐ cty mẹ	-2.82	11.0	20.5	6.46	-6.63

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-25.9	-92.5	75.1	142	-11.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.6	42.5	1.96	-0.68	-118
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	20.0	65.4	-81.5	-3.90	15.5
Tiền đầu kỳ	43.7	19.2	34.5	30.0	167
Lưu chuyển tiền thuần	-24.5	15.4	-4.52	137	-114
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	-0.27	0.27
Tiền cuối kỳ	19.2	34.5	30.0	167	53.1

(Nguồn: fireant.vn)